

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ PVI
(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)



BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho kỳ hoạt động từ ngày 03 tháng 02 năm 2015 (ngày thành lập)
đến ngày 31 tháng 12 năm 2015

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2 - 3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 22



BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ PVI (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 03 tháng 02 năm 2015 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2015.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Ngọc Minh	Chủ tịch
Ông Tôn Thiện Việt	Ủy viên
Ông Trần Duy Cường	Ủy viên (bỏ nhiệm ngày 25 tháng 6 năm 2015, miễn nhiệm ngày 20 tháng 01 năm 2016)
Ông Đỗ Tiến Thành	Ủy viên
Ông Trần Tùng Linh	Ủy viên
Ông Lâm Nhật Sơn	Ủy viên
Ông Phan Trương Thái	Ủy viên
Ông Phạm Khắc Dũng	Ủy viên (miễn nhiệm ngày 25 tháng 6 năm 2015)
Ông Nguyễn Huy Tuấn	Ủy viên (bỏ nhiệm ngày 20 tháng 01 năm 2016)

Tổng Giám đốc

Ông Trần Tùng Linh	Tổng Giám đốc
--------------------	---------------

TRÁCH NHIỆM CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 03 tháng 02 năm 2015 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2015, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho công ty quản lý quỹ theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 05 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho công ty quản lý quỹ theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 05 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.



Trần Tùng Linh
Tổng Giám đốc

Ngày 16 tháng 02 năm 2016

Số: *ĐC* /VNIA-HN-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ PVI

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ PVI (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 16 tháng 02 năm 2016 từ trang 4 đến trang 22, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho kỳ hoạt động từ ngày 03 tháng 02 năm 2015 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2015 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho công ty quản lý quỹ theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 05 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.


Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Ý kiến của Kiểm toán viên


Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho kỳ hoạt động từ ngày 03 tháng 02 năm 2015 đến ngày 31 tháng 12 năm 2015, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho công ty quản lý quỹ theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 05 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.




Khúc Thị Lan Anh
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0036-2013-001-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 16 tháng 02 năm 2016
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam


Trần Quang Huy
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 1675-2013-001-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 01-CTQ
Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110 + 120 + 130 + 150)	100		53.448.982.797
I. Tiền	110	4	4.352.320.808
1. Tiền	111		4.352.320.808
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	43.000.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		43.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		5.939.862.092
1. Trả trước cho người bán	132		45.000.000
2. Phải thu hoạt động nghiệp vụ	134	6	3.626.850.981
3. Các khoản phải thu khác	135	7	2.268.011.111
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		156.799.897
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		33.164.986
2. Tài sản ngắn hạn khác	158		123.634.911
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 220 + 250 + 260)	200		4.565.708.077
I. Tài sản cố định	220		1.467.058.684
1. Tài sản cố định hữu hình	221	8	849.487.909
- Nguyên giá	222		970.970.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(121.482.091)
2. Tài sản cố định vô hình	227	9	617.570.775
- Nguyên giá	228		730.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(112.429.225)
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		3.000.000.000
1. Đầu tư dài hạn khác	258	10	3.000.000.000
III. Tài sản dài hạn khác	260		98.649.393
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		78.649.393
2. Tài sản dài hạn khác	268		20.000.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		58.014.690.874

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 22 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 01-CTQ
 Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015
A - NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310)	300		4.229.378.672
I. Nợ ngắn hạn	310		4.229.378.672
1. Phải trả người bán	312		623.688.113
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	11	1.214.750.386
3. Phải trả người lao động	315		1.478.488.303
4. Chi phí phải trả	316	12	714.529.036
5. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		39.589.500
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	328	13	158.333.334
B - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	14	53.785.312.202
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		50.000.000.000
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		3.785.312.202
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		58.014.690.874

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015
9. Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác	040	15	242.738.714.139
9.1. Nhà đầu tư ủy thác trong nước	041		242.738.714.139
9.1.1. Cổ phiếu			224.777.089.283
9.1.2. Trái phiếu			10.235.000.000
9.1.3. Danh mục đầu tư khác			7.726.624.856



Trần Tùng Linh
 Tổng Giám đốc

Hoàng Văn Kiên
 Kế toán trưởng

Dương Thị Thu Thủy
 Người lập

Ngày 16 tháng 02 năm 2016

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 22 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho kỳ hoạt động từ ngày 03 tháng 02 năm 2015 (ngày thành lập)
đến ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B02-CTQ

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày 03/02/2015 đến ngày 31/12/2015
1. Doanh thu	01	16	19.273.098.969
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-
3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh (10=01-02)	10	16	19.273.098.969
4. Chi phí hoạt động kinh doanh, giá vốn hàng bán	11	17	5.305.281.953
5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh (20=10-11)	20		13.967.817.016
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	19	2.716.853.083
7. Chi phí tài chính	22		17.509.435
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		11.621.263.608
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-25)	30		5.045.897.056
10. Thu nhập khác	31		-
11. Chi phí khác	32		-
12. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		-
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		5.045.897.056
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	20	1.260.584.854
15. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		3.785.312.202
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	21	757



Trần Tùng Linh
Tổng Giám đốc

Hoàng Văn Kiên
Kế toán trưởng

Dương Thị Thu Thủy
Người lập

Ngày 16 tháng 02 năm 2016

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 22 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Phương pháp trực tiếp)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 03 tháng 02 năm 2015 (ngày thành lập)
đến ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B03-CTQ
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày 03/02/2015 đến ngày 31/12/2015
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ hoạt động nghiệp vụ, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		15.812.778.182
2. Tiền chi trả cho hoạt động nghiệp vụ và người cung cấp hàng hóa, dịch vụ	02		(6.774.045.837)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(6.727.207.547)
4. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(448.551.623)
5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		335.913.059
6. Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	07		(594.437.398)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		1.604.448.836
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn	21		(1.700.970.000)
2. Tiền chi mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(72.000.000.000)
3. Tiền thu từ thanh lý các khoản đầu tư công cụ nợ của đơn vị khác	24		26.000.000.000
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(5.900.000.000)
5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		5.900.000.000
6. Tiền thu lãi tiền gửi ngân hàng	27		448.841.972
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(47.252.128.028)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		50.000.000.000
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		50.000.000.000
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		4.352.320.808
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		-
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70		4.352.320.808



Trần Tùng Linh
Tổng Giám đốc

Hoàng Văn Kiên
Kế toán trưởng

Dương Thị Thu Thủy
Người lập

Ngày 16 tháng 02 năm 2016

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 22 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Cho kỳ hoạt động từ ngày 03 tháng 02 năm 2015 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2015

MÃ SỐ 05-CTQ
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Số tăng, giảm trong kỳ				
	Thuyết minh	Cho kỳ hoạt động từ ngày 03/02/2015 đến ngày 31/12/2015			
		Số dư đầu kỳ	Tăng	Giảm	
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	14	-	50.000.000.000	-	50.000.000.000
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	14	-	3.785.312.202	-	3.785.312.202
Tổng cộng		-	53.785.312.202	-	53.785.312.202



Trần Tùng Linh
Tổng Giám đốc

Ngày 16 tháng 02 năm 2016

Hoàng Văn Kiên
Kế toán trưởng

Dương Thị Thu Thủy
Người lập

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 22 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B09-CTQ

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ PVI (“Công ty” hoặc “PVI AM”) là doanh nghiệp cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 55/GP-UBCK ngày 03 tháng 02 năm 2015 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 26 người.

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là:

- Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán;
- Quản lý danh mục đầu tư chứng khoán; và
- Tư vấn đầu tư chứng khoán.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho công ty quản lý quỹ theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 05 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Kỳ kế toán đầu tiên của Công ty bắt đầu từ ngày 03 tháng 02 năm 2015 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2015.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho công ty quản lý quỹ theo quy định tại Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 05 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B09-CTQ

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn, các khoản phải thu hoạt động nghiệp vụ, các khoản phải thu khác, đầu tư tài chính dài hạn và tài sản tài chính khác.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền

Tiền bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình của Công ty bao gồm máy móc, thiết bị được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là ba (03) năm.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B09-CTQ***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị phần mềm máy tính và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Phần mềm máy tính được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là ba (03) năm.

Doanh thu hoạt động kinh doanh

Doanh thu hoạt động kinh doanh bao gồm doanh thu từ hoạt động quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, hoạt động quản lý danh mục đầu tư chứng khoán và hoạt động tư vấn đầu tư chứng khoán.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Đầu tư chứng khoán của người ủy thác đầu tư

Công ty nhận tài sản từ người ủy thác đầu tư và thay mặt người ủy thác đầu tư để thực hiện các giao dịch kinh doanh chứng khoán theo các quy định trong hợp đồng ủy thác đầu tư giữa Công ty với người ủy thác đầu tư. Các khoản đầu tư của người ủy thác đầu tư được phản ánh theo giá thị trường. Công ty không thực hiện đánh giá và trích lập dự phòng đối với các khoản đầu tư của người ủy thác đầu tư vì theo quy định của hợp đồng ủy thác đầu tư, người ủy thác đầu tư chịu mọi rủi ro đối với các khoản lỗ phát sinh trong quá trình đầu tư mà nguyên nhân không phải do Công ty vi phạm các điều khoản quy định trong hợp đồng. Công ty ghi nhận các khoản mục liên quan đến hoạt động nhận ủy thác đầu tư trên Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B09-CTQ***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Thuế (Tiếp theo)**

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN

	<u>31/12/2015</u>
	VND
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	4.352.320.808
	<u><u>4.352.320.808</u></u>

5. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

Đầu tư tài chính ngắn hạn phản ánh khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các Ngân hàng thương mại với kỳ hạn gốc trên 3 tháng và kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng kể từ thời điểm báo cáo.

6. PHẢI THU HOẠT ĐỘNG NGHIỆP VỤ

	<u>31/12/2015</u>
	VND
Phải thu hoạt động quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và công ty đầu tư chứng khoán	767.858.507
Phải thu hoạt động quản lý danh mục đầu tư	181.241.250
Phải thu hoạt động tư vấn đầu tư chứng khoán	2.587.585.766
Phải thu từ hoạt động nghiệp vụ khác	90.165.458
	<u><u>3.626.850.981</u></u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B09-CTQ

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	31/12/2015
	VND
Dự thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	2.268.011.111
	2.268.011.111

8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc, thiết bị	Tổng cộng
	VND	VND
NGUYÊN GIÁ		
Số dư tại ngày 03/02/2015	-	-
Mua trong kỳ	970.970.000	970.970.000
Số dư tại ngày 31/12/2015	970.970.000	970.970.000
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư tại ngày 03/02/2015	-	-
Khấu hao trong kỳ	121.482.091	121.482.091
Số dư tại ngày 31/12/2015	121.482.091	121.482.091
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày 31/12/2015	849.487.909	849.487.909
Tại ngày 03/02/2015	-	-

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm	Tổng cộng
	máy tính	VND
	VND	VND
NGUYÊN GIÁ		
Tại ngày 03/02/2015	-	-
Mua trong kỳ	730.000.000	730.000.000
Tại ngày 31/12/2015	730.000.000	730.000.000
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Tại ngày 03/02/2015	-	-
Khấu hao trong kỳ	112.429.225	112.429.225
Tại ngày 31/12/2015	112.429.225	112.429.225
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày 31/12/2015	617.570.775	617.570.775
Tại ngày 03/02/2015	-	-

10. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

Đầu tư dài hạn khác phản ánh khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các Ngân hàng thương mại với kỳ hạn và kỳ hạn còn lại trên 12 tháng kể từ thời điểm báo cáo.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B09-CTQ***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***11. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số dư đầu kỳ VND	Phát sinh trong kỳ		Số dư cuối kỳ VND
		Số phải nộp VND	Số đã nộp VND	
Thuế GTGT hàng hoá	-	112.230.959	60.131.454	52.099.505
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	1.260.584.854	448.551.623	812.033.231
Thuế thu nhập cá nhân	-	649.012.428	298.394.778	350.617.650
	-	2.021.828.241	807.077.855	1.214.750.386

12. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2015 VND
Thù lao phải trả cho Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	300.000.000
Chi phí phải trả ngắn hạn khác	414.529.036
	714.529.036

13. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN

Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn phản ánh khoản phí dịch vụ nhận trước từ khách hàng đối với dịch vụ quản lý danh mục đầu tư chứng khoán và tư vấn đầu tư chứng khoán.

14. VỐN CHỦ SỞ HỮU**Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND
Tại ngày 03/02/2015	-	-	-
Góp vốn trong kỳ	50.000.000.000	-	50.000.000.000
Lợi nhuận trong kỳ	-	3.785.312.202	3.785.312.202
Tại ngày 31/12/2015	50.000.000.000	3.785.312.202	53.785.312.202

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B09-CTQ

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

14. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

Vốn điều lệ

Theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 55/GP-UBCK ngày 03 tháng 02 năm 2015 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp, vốn điều lệ của Công ty là 50.000.000.000 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

	Theo Giấy phép thành lập		Vốn đã góp	
	VND	%	VND	%
Công ty Cổ phần PVI	17.500.000.000	35	17.500.000.000	35
Tổng Công ty Bảo hiểm PVI	15.000.000.000	30	15.000.000.000	30
Ông Trần Tùng Linh	500.000.000	1	500.000.000	1
Cổ đông khác	17.000.000.000	34	17.000.000.000	34
	50.000.000.000	100	50.000.000.000	100

Thông tin về cổ phiếu phổ thông:

- Số cổ phiếu được phép lưu hành: 5.000.000 cổ phiếu;
- Số cổ phiếu đã được phát hành và được góp vốn đủ: 5.000.000 cổ phiếu;
- Số cổ phiếu của Công ty đang lưu hành: 5.000.000 cổ phiếu;
- Mệnh giá của cổ phiếu: 10.000 VND/cổ phiếu.

T H H V

M.S.D.A.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MÃ SỐ B09-CTQ

15. DANH MỤC ĐẦU TƯ CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC

Giá trị danh mục đầu tư theo hợp đồng ủy thác

	Giá trị đầu kỳ	Tăng vốn ủy thác	Rút vốn ủy thác	Giá trị cuối kỳ
Công ty Cổ phần PVI	-	185.104.562.331	83.656.399.164	109.736.163.167
Tổng công ty Bảo hiểm PVI	-	188.530.813.643	55.528.262.671	133.002.550.972
Tổng cộng	-	373.635.375.974	139.184.661.835	242.738.714.139

Tình hình thay đổi giá trị danh mục đầu tư theo thực tế

	Giá trị theo hợp đồng ủy thác	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Giá trị ròng cuối kỳ
Cổ phiếu niêm yết	152.689.452.633	140.554.774	9.118.552.340	143.711.455.067
Trong đó:				
<i>Chi tiết cổ phiếu niêm yết bị giảm giá/rủi ro</i>				
Công ty cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai - Bến Đình (PSB)	7.114.240.000	-	889.280.000	6.224.960.000
Công ty cổ phần Đầu tư PV2 (PV2)	28.773.600.000	-	3.596.700.000	25.176.900.000
Công ty Cổ phần Kinh doanh Dịch vụ cao cấp Dầu khí Việt Nam	16.095.000.000	-	1.740.000.000	14.355.000.000
Công ty cổ phần vận tải dầu khí Thái Bình Dương	96.113.509.407	-	2.892.572.340	93.220.937.067
Cổ phiếu không niêm yết	72.087.636.650	-	315.155.383	71.772.481.267
Trong đó:				
<i>Chi tiết cổ phiếu không niêm yết bị giảm giá/rủi ro</i>				
Ngân hàng thương mại cổ phần Đông Á (DongA Bank)	16.174.978.311	-	315.155.383	15.859.822.928
Trái phiếu	10.235.000.000	704.999.999	-	10.939.999.999
Đầu tư khác	7.726.624.856	-	698.513.665	7.028.111.191
Tổng cộng	242.738.714.139	845.554.773	10.132.221.388	233.452.047.524

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B09-CTQ

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

16. DOANH THU

	Từ ngày 03/02/2015 đến ngày 31/12/2015
	VND
Doanh thu hoạt động quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và công ty đầu tư chứng khoán	2.100.959.620
Doanh thu hoạt động quản lý danh mục đầu tư chứng khoán	4.244.504.080
Doanh thu hoạt động tư vấn đầu tư chứng khoán	12.625.666.671
Doanh thu hoạt động nghiệp vụ khác	301.968.598
Tổng doanh thu từ hoạt động nghiệp vụ	19.273.098.969
Các khoản giảm trừ doanh thu	-
Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	19.273.098.969

17. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Từ ngày 03/02/2015 đến ngày 31/12/2015
	VND
Chi phí hoạt động quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và công ty đầu tư chứng khoán	578.328.538
Chi phí hoạt động quản lý danh mục đầu tư chứng khoán	1.168.379.353
Chi phí hoạt động tư vấn đầu tư chứng khoán	3.475.451.542
Chi phí hoạt động nghiệp vụ khác	83.122.520
	5.305.281.953

18. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Từ ngày 03/02/2015 đến ngày 31/12/2015
	VND
Chi phí nguyên vật liệu	111.146.733
Chi phí nhân công	9.700.000.000
Chi phí khấu hao tài sản cố định	233.911.316
Thuế phí, lệ phí	458.006.678
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.593.909.268
Chi phí bằng tiền khác	1.829.571.566
	16.926.545.561

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B09-CTQ

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

19. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

Từ ngày 03/02/2015
đến ngày 31/12/2015

VND

Lãi tiền gửi

2.716.853.083

2.716.853.083

20. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Từ ngày 03/02/2015
đến ngày 31/12/2015

VND

Lợi nhuận trước thuế

5.045.897.056

Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế

Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ

684.034.100

- Bảo hiểm hưu trí tự nguyện (*)

280.000.000

- Thuế GTGT đầu ra hàng hóa dùng làm quà tặng

104.034.100

- Thù lao của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát

300.000.000

Trừ: Thu nhập không chịu thuế

Thu nhập chịu thuế

5.729.931.156

Thuế suất thông thường

22%

Thuế thu nhập doanh nghiệp

1.260.584.854

(*) Phần chi vượt mức 01 triệu đồng/tháng/người để mua bảo hiểm hưu trí tự nguyện cho người lao động không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế.

21. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Từ ngày 03/02/2015
đến ngày 31/12/2015

VND

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp

3.785.312.202

Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông

3.785.312.202

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)

5.000.000

Lợi nhuận cơ bản trên cổ phiếu

757

22. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có phần vốn của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn góp và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B09-CTQ

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

22. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 3.

Các loại công cụ tài chính

	<u>31/12/2015</u>
	VND
Tài sản tài chính	
Tiền	4.352.320.808
Đầu tư tài chính ngắn hạn	43.000.000.000
Phải thu hoạt động nghiệp vụ	3.626.850.981
Lãi dự thu tiền gửi ngân hàng	2.268.011.111
Đầu tư tài chính dài hạn	3.000.000.000
Tài sản tài chính khác	20.000.000
	<u>56.267.182.900</u>
Công nợ tài chính	
Phải trả người bán	623.688.113
Chi phí phải trả	714.529.036
	<u>1.338.217.149</u>

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MÃ SỐ B09-CTQ***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***22. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính (Tiếp theo)**

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty không chịu nhiều rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá, lãi suất và giá.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Trong kỳ, Công ty không thực hiện giao dịch có gốc ngoại tệ; vì vậy, Công ty không chịu rủi ro tỷ giá.

Quản lý rủi ro lãi suất

Trong kỳ, Công ty không thực hiện các giao dịch vay và cho vay; vì vậy, Công ty không chịu rủi ro về lãi suất.

Quản lý rủi ro về giá công cụ vốn

Tại thời điểm cuối kỳ, Công ty không nắm giữ bất kỳ công cụ vốn nào; vì vậy, Công ty không chịu rủi ro về giá công cụ vốn.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty chịu rủi ro tín dụng ở mức thấp do các khoản phải thu chủ yếu là các khoản phải thu hoạt động nghiệp vụ từ các bên liên quan của Công ty và các khoản dự thu lãi tiền gửi ngân hàng phát sinh từ các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B09-CTQ

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

22. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)

	<u>Dưới 1 năm</u> VND	<u>Từ 1 - 5 năm</u> VND	<u>Tổng</u> VND
31/12/2015			
Tiền	4.352.320.808	-	4.352.320.808
Lãi dự thu tiền gửi ngắn hạn	2.267.477.778	-	2.267.477.778
Đầu tư tài chính ngắn hạn	43.000.000.000	-	43.000.000.000
Phải thu hoạt động nghiệp vụ	3.626.850.981	-	3.626.850.981
Đầu tư tài chính dài hạn	-	3.000.000.000	3.000.000.000
Lãi dự thu tiền gửi dài hạn	-	533.333	533.333
Tài sản tài chính khác	-	20.000.000	20.000.000
Tổng cộng	53.246.649.567	3.020.533.333	56.267.182.900
Phải trả người bán	623.688.113	-	623.688.113
Chi phí phải trả	714.529.036	-	714.529.036
Tổng cộng	1.338.217.149	-	1.338.217.149
Chênh lệch thanh khoản thuần	51.908.432.418	3.020.533.333	54.928.965.751

Tổng Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

23. NGHIỆP VỤ VÀ SÓ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần PVI	Cổ đông sáng lập
Tổng Công ty Bảo hiểm PVI	Cổ đông sáng lập
Tổng Công ty Cổ phần Tái bảo hiểm PVI	Cùng công ty mẹ
Quỹ Đầu tư Cơ hội PVI	Quỹ thành viên do Công ty Cổ phần PVI quản lý
Tổng Giám đốc	

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty có số dư chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	<u>31/12/2015</u> VND
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	
Tổng Công ty Cổ phần Tái Bảo hiểm PVI	158.333.334
Phải thu	
Công ty Cổ phần PVI	1.071.406.708
Tổng Công ty Bảo hiểm PVI	1.000.085.766
Quỹ Đầu tư Cơ hội PVI	767.858.507
Phải trả	
Phải trả thù lao cho Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	300.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃU SỐ B09-CTQ

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

23. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	<u>Từ ngày 03/02/2015</u> <u>đến ngày 31/12/2015</u>
	VND
Nhận góp vốn điều lệ	
Công ty Cổ phần PVI	17.500.000.000
Tổng Công ty Bảo hiểm PVI	15.000.000.000
Chủ tịch và các thành viên Hội đồng Quản trị	12.300.000.000
Mua tài sản cố định	
Công ty Cổ phần PVI	1.700.970.000
Doanh thu	
Công ty Cổ phần PVI	4.812.412.499
Tổng Công ty Bảo hiểm PVI	10.006.091.586
Tổng Công ty Cổ phần Tái Bảo hiểm PVI	291.666.666
Quỹ Đầu tư Cơ hội PVI	2.100.959.620
Thu nhập của Tổng Giám đốc	764.665.350

24. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Tại ngày phát hành báo cáo này, không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán cần phải trình bày trên báo cáo tài chính.

25. SỐ LIỆU SO SÁNH

Báo cáo tài chính này được lập cho giai đoạn từ ngày 03 tháng 02 năm 2015 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2015, do đó, không có số liệu so sánh.



Trần Tùng Linh
Tổng Giám đốc

Ngày 16 tháng 02 năm 2016

Hoàng Văn Kiên
Kế toán trưởng

Dương Thị Thu Thủy
Người lập
